

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30-01-2018

V/v “Tranh chấp về ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tiến Dũng

2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Nguyễn Hiền - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Ngày 30/01/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1041/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2017 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/01/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Triệu Thị Thu N – Sinh năm: 1996 (Có mặt)

Địa chỉ: Đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Quốc H – Sinh năm: 1987 (Vắng mặt)

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Hẻm đường N, Buôn A, phường T, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn - Chị Triệu Thị Thu N trình bày:**

Chị Triệu Thị Thu N và anh Bùi Quốc H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vào ngày 12/5/2015.

Quá trình duy trì hôn nhân vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn từ sau khi chị N sinh con, anh H không có trách nhiệm chăm lo cho gia đình, không chịu đi làm để phụ giúp chị N nuôi con, mà còn mang đồ đạc trong nhà đi cầm cố để chơi bời và thường

xuyên tạt tập bạn bè, nhiều lần đánh chị N. Do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân từ khoảng tháng 7/2017, đến tháng 8/2017 chị N làm đơn xin ly hôn với anh H, khi đến Tòa án làm việc thì bản thân anh H cũng xin lỗi và hứa sẽ thay đổi, anh H mong muốn vợ chồng đoàn tụ vì vợ chồng vẫn còn tình cảm hơn nữa cháu T còn nhỏ, cần sự quan tâm chăm sóc của cả ba và mẹ nên sau đó chị N đã rút đơn về. Nhưng đến nay anh H vẫn không sửa đổi, mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp tục xảy ra, không còn khả năng hàn gắn được. Nay chị N xác định không còn tình cảm, tình thương yêu đối với anh H nên chị N xin ly hôn với anh Bùi Quốc H.

Về con chung: Chị N và anh H có 01 con chung là cháu Bùi Khánh T, sinh ngày: 12/01/2016. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng được nuôi cháu T đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị N đang làm nhân viên Spa, thu nhập trung bình 4.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

*** Quá trình tham gia tố tụng - Bị đơn anh Bùi Quốc H trình bày:**

Anh H và chị N tự nguyện kết hôn với nhau và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào năm 2015 và có 01 con chung là cháu Bùi Khánh T, sinh ngày 12/01/2016, hiện cháu T đang sống với chị N. Anh H và chị N chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H thất nghiệp không có công ăn việc làm một thời gian dài nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị N bế con về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 5/2017 cho đến nay. Nay chị N làm đơn xin ly hôn với anh thì anh H không đồng ý, hiện nay bản thân anh đã tìm việc làm ổn định, có thu nhập, nguyện vọng của anh mong muốn vợ chồng sum họp để nuôi dạy con tốt hơn.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Bùi Quốc H đến Tòa án nhưng anh H không đến Tòa án làm việc nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu của nguyên đơn chị Triệu Thị Thu N là tranh chấp về ly hôn và nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên Tòa hôm nay, bị đơn anh Bùi Quốc H vắng mặt là lần thứ hai, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Bùi Quốc H là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Triệu Thị Thu N và anh Bùi Quốc H chung sống và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 12/9/2015. Xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình duy trì hôn nhân giữa chị N và anh H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, bản thân anh H không có trách nhiệm với gia đình nên vợ chồng không có hạnh phúc, cả chị N và anh H đều xác định vợ chồng sống ly thân từ tháng 07/2017, đến tháng 8/2017 chị N nộp đơn xin ly hôn với anh H, do anh H hứa sẽ sửa đổi nên chị N đã rút đơn về đoàn tụ nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp tục xảy ra đến nay không còn khả năng hàn gắn nên chị N xin ly hôn với anh H; phía anh H không đồng ý ly hôn với chị N.

Quá trình xác minh địa phương cung cấp: Quá trình chung sống giữa chị N và anh H xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H nghiện ma túy nên chị N đã đưa con chuyển đi nơi khác sinh sống. Nay chị N xin ly hôn với anh H thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy; Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Triệu Thị Thu N và anh Bùi Quốc H đã kéo dài và ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh H của chị N, là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị N và anh H có 01 con chung là cháu Bùi Khánh T, sinh ngày: 12/01/2016. Hiện cháu T vẫn đang còn nhỏ và đang sống với chị N; Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo sự phát triển về thể chất và tinh thần của cháu T nên giao cháu Bùi Khánh T cho chị Triệu Thị Thu N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; Về cấp dưỡng nuôi con chung chị N không yêu cầu nên không đề cập giải quyết, là phù hợp theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015.

Về tài sản chung, công nợ: Chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Triệu Thị Thu N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Áp dụng: khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng: điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Triệu Thị Thu N và anh Bùi Quốc H.

2. Về con chung:

2.1 Giao con chung cháu Bùi Khánh T, sinh ngày: 12/01/2016 cho chị Triệu Thị Thu N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên(đủ 18 tuổi).

2.2 Anh Bùi Quốc H không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Anh Bùi Quốc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ: Đương sự xác định không có tài sản chung, công nợ nên không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Triệu Thị Thu N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị Triệu Thị Thu N đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2017/0000244 ngày 01 tháng 11 năm 2017.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS thành phố.B;
- UBND phường T, thành phố.B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lương Thị Trúc